



CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 3 THÁNG ĐẦU NĂM 2026 - XÃ NAM SÁCH

(Xem theo Báo cáo số 126/BC-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2026 của UBND xã Nam Sách)

Đơn vị: nghìn đồng

STT	Nội dung	Dự toán giao xã đầu năm 2025			Số thực hiện Quý I			So sánh (%)		
		Tổng số	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Tổng số	Chi đầu tư	Chi thường xuyên	Tổng số	Chi đầu tư	Chi thường xuyên
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
I	TỔNG CỘNG	266.982.036,71	38.745.039,00	228.236.997,71	56.941.495,89	12.319.086,00	44.622.409,89	21,33	31,80	19,55
1	Chi công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	5.750.000,00	-	5.750.000,00	1.130.958,40	-	1.130.958,40	39,37	-	39,37
	- Chi dân quân tự vệ	3.101.000,00	-	3.101.000,00	604.458,40	-	604.458,40	19,49		19,49
	- Chi trật tự an toàn xã hội	2.649.000,00	-	2.649.000,00	526.500,00	-	526.500,00	19,88		19,88
2	Chi sự nghiệp giáo dục	158.209.339,01	27.732.339,00	130.477.000,01	33.266.729,22	9.065.351,00	24.201.378,22	21,03	32,69	18,55
3	Chi sự nghiệp y tế	5.133.000,00	-	5.133.000,00	1.006.291,60	-	1.006.291,60	19,60		19,60
4	Chi văn hóa, thông tin	2.397.000,00	-	2.397.000,00	2.115.349,73	1.732.336,00	383.013,73	88,25		15,98
5	Chi phát thanh, truyền thanh	315.000,00	-	315.000,00	15.000,00	-	15.000,00	4,76		4,76
6	Chi thể dục, thể thao	337.000,00	-	337.000,00	71.500,42	-	71.500,42	21,22		21,22
7	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	357.000,00	-	357.000,00	-	-	-			
8	Chi vệ sinh môi trường	2.813.000,00	-	2.813.000,00	-	-	-	-		-
9	Chi sự nghiệp kinh tế	12.969.995,00	-	12.969.995,00	117.375,98		117.375,98	3,18	-	3,18
10	Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	41.391.699,70	11.012.700,00	30.378.999,70	9.520.415,95	1.521.399,00	7.999.016,95	73,53	-	80,22
11	Chi đảm bảo xã hội	26.112.003,00	-	26.112.003,00	9.697.874,58	-	9.697.874,58	37,14		37,14
12	Chi khác	1.112.000,00	-	1.112.000,00	-	-	-	-		-
13	Dự phòng	4.675.000,00	-	4.675.000,00	-	-	-			-
14	Tiết kiệm chi 10%	5.410.000,00	-	5.410.000,00	-	-	-			-

